

Bản án số: **03/2020/HS-ST**

Ngày 12-3-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Trần Thị Bích Ân**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - + Ông **Hứa Văn Hòa**;
 - + Ông **Nguyễn Đức Huỳnh**;
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn Huy**; Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Hà**; Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn H**; Tên gọi khác: “R” Sinh ngày: 14/8/1988; Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Q; Chỗ ở: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Từ năm 2003 đến năm 2013: 06 lần có hành vi gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích bị xử lý vi phạm hành chính; Ngày 24/11/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 45 tháng tù về hành vi cố ý gây thương tích, cố ý làm hư hỏng tài sản; Con ông: Lê Văn Đ (chết) và bà Lê Thị T; Vợ Nguyễn Thị N (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2016. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2019. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị N**; Sinh ngày: 26/01/1995; Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Q; Chỗ ở: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Hữu Q và bà Trần Thị H; Chồng Lê Văn H (đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2019. Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh **Trần Văn N1**; Sinh năm 1987. Vắng mặt.

+ Anh Châu Văn M; Sinh năm 1992. Vắng mặt.

+ Anh Huỳnh Châu B; Sinh năm 1993. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm 1985. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn B, xã Q (Nay là thị trấn T), huyện H, tỉnh Q.

+ Anh Lê Quang V; Sinh năm 1988; Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Q
Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T1; Sinh năm 1994; Trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Q.
Vắng mặt.

+ Anh Đỗ Đình P; Sinh năm 1994; Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Vắng
mặt.

+ Anh Nguyễn Hữu N2; Sinh năm 1988; Trú tại: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Q.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 03/10/2019, Trần Văn N1 mượn điện thoại di động của Châu Văn M gọi vào số di động 0346545459 cho Nguyễn Thị N hỏi “*Có hàng không tôi lấy 300.000 nghìn*” N trả lời: “*Có lên đi*”.

Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, Trần Văn N1 và Châu Văn M sử dụng xe mô tô 92 F3 – 0606 đi đến trước nhà của Nguyễn Thị N. N1 đứng ngoài đường, M đi vào bên trong hông nhà gặp Lê Văn H và Nguyễn Thị N đang ăn. M nói: “*Có hàng không để cho em cái năm*” H nói Nguyễn Thị N, em vào trên đầu tủ lấy dùm anh cái, M đưa cho Nguyễn Thị N 460.000 đồng, N đi vào trong nhà cầm ra 01 gói ma túy loại heroin đưa cho M.

Lúc này, Tổ công tác Công an huyện Hiệp Đức bắt giữ Trần Văn N1, Châu Văn M và Lê Văn H. Thấy vậy, Nguyễn Thị N liền chạy vào nhà cầm 07 gói ma túy loại heroine trên đầu tủ lạnh chạy xuống toilet định tiêu hủy nhưng bị Công an thu giữ, lập biên bản phạm tội quả tang. Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị N thu giữ 01 gói ma túy loại heroine, 04 gói thảo mộc và một số đồ vật khác.

Quá trình điều tra Lê Văn H và Nguyễn Thị N khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến ngày 03/10/2019, Lê Văn H đã mua ma túy loại heroin của người phụ nữ tên X (*chưa xác định được họ tên lai lịch*) tại đường Nguyễn Hoàng, thành phố Đà Nẵng. Lần thứ nhất: Tháng 6/2019, mua ma túy với số tiền 1.000.000 đồng; Lần 2: Tháng 8/2019, mua ma túy với số tiền 1.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 03/10/2019, mua ma túy với số tiền 700.000 đồng. Sau khi mua ma túy, Lê Văn H về nhà phân nhỏ từng gói ma túy ghi ký hiệu trên gói ma túy theo số tiền để bán, cất giấu trong nhà Nguyễn Thị N và chỉ nơi cất giấu ma túy cho N biết, H sử

dùng số điện thoại 0984.772.252 để liên lạc bán ma túy cho các đối tượng nghiện về sử dụng, khi nào H vắng nhà thì Nguyễn Thị N trực tiếp bán ma túy.

Trong đó Lê Văn H thực hiện hành vi mua bán ma túy như sau:

1. Ngoài lần phạm tội quả tang trên, vào khoảng tháng 7/2019 (*Không xác định được ngày*) Trần Văn N1 gọi điện thoại vào số 0984772252 cho H hỏi mua ma túy, H đến cầu Suối Vá đưa 01 gói ma túy heroine cho N1 và nhận 200.000 đồng.

2. Bán 03 lần cho Lê Quang V: Vào khoảng tháng 6/2019, V hai lần đến nhà của Nguyễn Thị N để mua ma túy. Tại đây, mỗi lần H đưa cho V 01 gói heroine và nhận 200.000 đồng. Lần thứ ba, V gọi điện cho H, H đem 01 gói ma túy đến cầu Suối Vá đưa cho V và nhận 200.000 đồng.

3. Bán 02 lần cho Nguyễn Văn T1: Vào khoảng tháng 8/2019, T1 gọi điện thoại cho H, H hẹn đến cầu Suối Vá để nhận ma túy. Mỗi lần H đưa cho T1 01 gói ma túy loại heroine và nhận 200.000 đồng.

4. Bán 02 lần cho Đỗ Đình P: Vào khoảng tháng 9/2019, P gọi điện thoại cho H và đến nhà H. Tại đây, mỗi lần H đưa cho P 01 gói heroine và nhận 300.000 đồng.

Ngoài lần phạm tội quả tang, Lê Văn H chỉ chỗ cất giấu ma túy để Nguyễn Thị N thực hiện việc bán ma túy trong lúc Lê Văn H không có nhà, cụ thể như sau:

1. Bán 01 lần cho Trần Văn N1: Vào khoảng tháng 8/2019 Trần Văn N1 đến nhà của Nguyễn Thị N. Tại đây, N1 đưa cho Nguyễn Thị N 200.000 đồng và nhận 01 gói ma túy mang về sử dụng.

2. Bán 03 lần Châu Văn M: Vào khoảng giữa tháng 9/2019, M sử dụng số điện thoại 0367.830.157 gọi điện vào số 0346.545.429 của Nguyễn Thị N hỏi mua ma túy heroine. N đồng ý, M đi đến nhà của N, tại đây mỗi lần N đưa cho M 01 gói ma túy heroine và nhận 200.000 đồng.

3. Bán 03 lần cho Châu Văn M và Huỳnh Châu B: Vào khoảng tháng 9/2019, M và B hai lần chung tiền, mỗi lần được 300.000 đồng, M và B đi qua nhà của N mua heroine mang về sử dụng. Lần thứ 3: Vào trưa ngày 02/10/2019, M và B chung được 450.000 đồng, M và B đi đến nhà của N. Tại đây, M đưa cho N 450.000 đồng và nhận 01 gói heroine mang về sử dụng.

4. Bán cho Huỳnh Châu B 02 lần: Vào cuối tháng 9/2019, B gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N hỏi mua ma túy, sau đó đi đến nhà của N, mỗi lần B đưa cho N 200.000 đồng, nhận 01 gói ma túy heroine đem về sử dụng.

5. Bán 02 lần cho Nguyễn Văn T1: Vào giữa tháng 8/2019, T1 gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N hỏi mua ma túy, T1 đến nhà của N. Tại đây, mỗi lần T1 đưa cho N 200.000 đồng nhận 01 gói ma túy heroine mang về sử dụng.

6. Bán 02 lần cho Đỗ Đình P: Vào khoảng tháng 9/2019, P gọi điện cho N hỏi mua ma túy, P đến nhà của N. Tại đây, mỗi lần P đưa cho N 300.000 đồng và nhận 01 gói ma túy heroine mang về sử dụng.

Tại Bản Kết luận giám định số 998/C09C(Đ4) ngày 07/10/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Chất rắn màu trắng dạng cục, bột đựng trong 07 gói giấy được niêm phong trong phong bì (ký hiệu A1) gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng mẫu 0,274 gam; loại Heroine (*Hoàn lại sau khi giám định 0,206 gam*);

- Chất rắn màu trắng dạng cục, bột đựng trong 01 gói giấy loại giấy học sinh được niêm phong trong phong bì (ký hiệu A2) gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu 0,053 gam; loại Heroine (*Đã phân tích hết trong quá trình giám định*)

- Chất rắn màu trắng dạng cục, bột đựng trong 01 gói giấy (loại giấy học sinh) được niêm phong trong phong bì (ký hiệu A3) gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu 0,018 gam; loại Heroine (*Đã phân tích hết trong quá trình giám định*)

- Mẫu thực vật khô màu xanh đựng trong 04 (bốn) túi ni lông không màu hàn kín xung quanh được niêm phong trong phong bì (ký hiệu A4) gửi giám định đều không có chất ma túy; tổng khối lượng mẫu là 8,168 gam (*Hoàn lại sau khi giám định còn 7,270 gam*).

Tại bản Cáo trạng số 02/CT - VKS ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm r, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn H với mức án từ 7 năm đến 8 năm tù. Ngoài ra, cần áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N với mức án từ 4 năm đến 5 năm tù.

- Xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106, Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- + Tịch thu tiêu hủy 0,206 gam ma túy loại Heroine và 7,27 gam mẫu thực vật khô màu xanh được niêm phong trong 01 phong bì số 998/C09C(Đ4) của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

- + Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, vỏ màu xanh, bàn phím màu đen, bên trong có sim số: 0346545429 của Nguyễn Thị N; 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có sim số: 0984772252 của Lê Văn H sử dụng vào việc mua bán ma túy.

- + Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 460.000 đồng bắt quả tang việc bán ma túy của Lê Văn H và Nguyễn Thị N cho Châu Văn M và Trần Văn N1;

- + Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.050.000 đồng của Lê Văn H và của Nguyễn Thị N thu được do bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy.

- + Tịch thu, tiêu hủy: 01 ống nước cất tiêm 5ml bằng thủy tinh và 01 gói thuốc lá loại Prince bên trong có 07 điều thuốc; 56 mảnh giấy (loại giấy vở ôly học sinh); 03 cái

lưỡi lam (Đã bẻ đôi) và 01 cây bút bi màu xanh hiệu Trandee, TL079; 01 túi xách màu trắng có kích thước (19x12x07)cm; 01 túi xách màu H có kích thước (22x17x05)cm.

+ Trả lại cho Châu Văn M: 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Itel, vỏ màu đen, bên trong có sim số: 0367830157.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô Dream, BKS: 92F3-0606 màu nâu.

+ Trả lại cho Nguyễn Hữu N2 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS: 92M1-038.48 màu trắng đỏ đen.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã thể hiện: Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 03/10/2019, Lê Văn H và Nguyễn Thị N bán ma túy cho Trần Văn N1 và Châu Văn M tại nhà của Nguyễn Thị N thì bị tổ công tác Công an huyện Hiệp Đức bắt quả tang, thu giữ trên tay Nguyễn Thị N 07 gói ma túy, thu giữ trên người Châu Văn M 01 gói ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Đức tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Nguyễn Thị N thu giữ 01 gói ma túy và một số đồ vật khác.

Tại Bản Kết luận giám định số 998/C09C(Đ4) ngày 07/10/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng kết luận: 07 gói (ký hiệu A1) khối lượng 0,274 gam, 01 gói (ký hiệu A2) có khối lượng 0,053 gam và 01 gói (ký hiệu A3) có khối lượng 0,018 gam, xác định là chất ma túy, loại Heroine. Tổng khối lượng ma túy heroine: 0,345 gam.

Ngoài lần phạm tội quả tang, Lê Văn H đã 03 lần mua ma túy với số tiền 2.700.000 đồng của một người phụ nữ tên X ở thành phố Đà Nẵng để sử dụng và chia thành nhiều gói nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện tổng cộng 08 lần; Đồng thời, chỉ nơi cất giấu để Nguyễn Thị N bán cho các đối tượng tổng cộng 13 lần với tổng số tiền là 5.050.000 đồng, trong đó bị cáo H thu số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo N thu số tiền 3.250.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, đối với nhiều người và có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể trong việc mua bán ma túy. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm a, b, c Khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Cả hai bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ, mua bán chất ma túy trái phép bị pháp luật nghiêm cấm. Song, do háms lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những gây ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con người, hủy hoại sức khỏe, giảm khả năng lao động mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm gia tăng tệ nạn xã hội và làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của cả hai bị cáo cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội và cần áp dụng hình phạt tù mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung tội phạm nói chung, N là tội phạm về ma túy ngày càng có chiều hướng gia tăng.

[4] Xét vai trò, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng và chia thành nhiều gói nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện ma túy nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo N là người giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, phạm tội do bị cáo H lôi kéo, rủ rê. Bị cáo H có nhân thân xấu, nhiều lần có hành vi gây rối trật tự công cộng và cố ý gây thương tích cho người khác bị xử lý vi phạm hành chính và bị kết án. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt cao hơn so với bị cáo N.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang, các bị cáo đã tự thú khai nhận các lần phạm khác. Đối với bị cáo Lê Văn H có ông Ngoại và bà Ngoại là Liệt sĩ, bị cáo N có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến Hạng Nhất. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, bị cáo N hiện đang nuôi hai con nhỏ, trong đó có một cháu bị bệnh động kinh không thể tự chăm sóc bản thân, cha mẹ bị cáo đã già không đủ điều kiện để chăm sóc các cháu. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo N để bị cáo có cơ hội phấn đấu rèn luyện, cải tạo để sớm trở về chăm sóc, nuôi dưỡng các con nhỏ.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 BLHS, hành vi của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N có thể bị áp dụng hình phạt tiền, tịch thu một

phần hoặc toàn bộ tài sản nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N thu được từ việc mua bán trái phép ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy là 5.050.000 đồng cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 0,206 gam ma túy loại Heroine và 7,27 gam mẫu thực vật khô màu xanh được niêm phong trong 01 phong bì số 998/C09C(Đ4) của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, vỏ màu xanh, bàn phím màu đen, bên trong có sim số 0346545429; 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có sim số 0984772252 của Lê Văn H và Nguyễn Thị N sử dụng vào việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 460.000 đồng bắt quả tang từ việc Lê Văn H và Nguyễn Thị N bán ma túy cho Châu Văn M và Trần Văn N1 cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 ống nước cất tiêm 5ml bằng thủy tinh và 01 gói thuốc lá loại Prince bên trong có bảy điều thuốc; 56 mảnh giấy; 03 cái lưỡi lam (Đã bẻ đôi) và 01 cây bút bi màu xanh hiệu Trandee, TL079; 01 túi xách màu trắng có kích thước (19x12x07)cm; 01 túi xách màu hồng có kích thước (22x17x05)cm là công cụ sử dụng vào việc mua bán ma túy nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động, hiệu ITEL, vỏ màu đen, bên trong có sim số 0367830157 là tài sản của Châu Văn M nên cần trao trả lại cho Châu Văn M.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô Dream, BKS: 92F3-0606 màu nâu, là tài sản của Nguyễn Văn T nên cần trao trả lại cho Nguyễn Văn T.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS: 92M1-038.48 màu trắng đỏ đen là tài sản của Nguyễn Hữu N2 nên cần trao trả lại cho Nguyễn Hữu N2.

[6] Đối với hành vi của những người có liên quan đến vụ án:

- Đối với hành vi của Huỳnh Châu B, Đỗ Đình P, Lê Quang V và Nguyễn Văn T1 là những đối tượng mua ma túy của Lê Văn H và Nguyễn Thị N để sử dụng, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đối với hành vi của Châu Văn M và Trần Văn N1 mua 01 gói Heroine có khối lượng 0,053 gam chưa đủ định lượng cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên xử lý hành chính là phù hợp.

- Đối với 02 đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch theo lời khai của Lê Văn H đã bán ma túy cho mỗi người 02 lần. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Đức đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Đức sẽ tiếp tục tiến hành xác minh, xử lý sau.

- Đối với người phụ nữ tên X là người đã 03 lần bán ma túy cho Lê Văn H, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Đức đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được và chuyển tin báo tội phạm cho Cơ quan CSĐT Công an Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng biết để xác minh, điều tra theo thẩm quyền.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn H **7 (Bảy)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 03/10/2019.

Áp dụng Điểm r, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N **4 (Bốn)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 03/10/2019.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu, tiêu hủy 0,206 gam ma túy loại Heroine và 7,27 gam mẫu thực vật khô màu xanh được niêm phong trong 01 phong bì số 998/C09C(Đ4) của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, vỏ màu xanh bàn phím màu đen, bên trong có sim số: 0346545429 của Nguyễn Thị N; 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong có sim số: 0984772252 của Lê Văn H.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 ống nước cất tiêm 5ml bằng thủy tinh và 01 gói thuốc lá loại Prince bên trong có bảy điếu thuốc; 56 mảnh giấy; 03 cái lược lam (đã bẻ đôi); 01 cây bút bi màu xanh hiệu Trandee, TL079; 01 túi xách màu trắng có kích thước (19x12x07)cm; 01 túi xách màu H có kích thước (22x17x05)cm.

+ Trả lại cho Châu Văn M 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Itel, vỏ màu đen, bên trong có sim số: 0367830157.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô Dream, BKS: 92F3-0606 màu nâu.

+ Trả lại cho Nguyễn Hữu N2 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS: 92M1-038.48 màu trắng đỏ đen.

(Tất cả các vật chứng trên được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức ngày 21/01/2020).

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 460.000 đồng bắt quả tang việc bán ma túy của Lê Văn H và Nguyễn Thị N cho Châu Văn M và Trần Văn N1.

(Số tiền này hiện được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Hiệp Đức theo ủy nhiệm chi chuyển khoản giữa Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức vào tài khoản số 3949.0.1053906.0000 ngày 21/01/2020).

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 46 BLHS: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.050.000 đồng của Lê Văn H và Nguyễn Thị N thu được do bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy. Trong đó, Lê Văn H là 1.800.000 đồng và Nguyễn Thị N là 3.250.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Thị N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2020). Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Hiệp Đức;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hiệp Đức;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức;
- Sở tư pháp, PV27;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Ân